

Số: **117** /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày **11** tháng 8 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, các bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều chính sách, chương trình để triển khai thực hiện như: Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố “Căn cứ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương

trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định”.

Như vậy, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 để kịp thời làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách nhà nước hàng năm, giai đoạn cho các sở, ban, ngành, địa phương theo đúng định mức, quy định để thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 cho các sở, ban, ngành của tỉnh và các huyện, thành phố đảm bảo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

Triển khai Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm

Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết. Phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ngành, các huyện, thành phố để thực hiện Chương trình giảm nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn

tỉnh Đồng Nai.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình giảm nghèo theo quy định của pháp luật.

IV. BỐ CỤC CỦA NGHỊ QUYẾT

Bố cục dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 gồm 2 phần, Phần 1: Nội dung Nghị quyết; Phần 2: Nội dung Quy định kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

1. Nội dung cơ bản của Phần 1 Nghị quyết: Gồm 3 điều

“Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

(Kèm theo Quy định)

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”.

2. Nội dung cơ bản của Phần 2 Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 2 chương 8 điều.

“CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

Điều 5. Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Điều 6. Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Điều 7. Dự án 3: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Điều 8. Dự án 4: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình”.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn nhân lực thực hiện: Đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, tỉnh.

2. Điều kiện thực hiện: Việc triển khai thực hiện Nghị quyết dựa trên những điều kiện sẵn có về cơ sở vật chất, kinh nghiệm, quy định Nhà nước đã được ban hành, nhu cầu của hộ tham gia dự án.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 09 năm 2022.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*dự thảo Nghị quyết đính kèm*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban VHXX - HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở: Lao động - Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỔNG HỢP HỘ NGHÈO, HỘ CẦN NGHÈO, TỶ LỆ HỘ NGHÈO, HỘ CẦN NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO QUỐC GIA ĐẦU NĂM 2022; SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2022; TỶ LỆ SỤY DINH DƯỠNG THẤP CÒI Ở TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI NĂM 2020 VÀ HỆ SỐ CỦA CÁC HUỖYỆN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

(Kèm theo Tờ trình số **417**/UBND ngày **11** tháng **8** năm 2022 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022	Hệ số của tổng số hộ nghèo, hộ cận năm 2022	Tổng số tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận năm 2022	Hệ số của tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận năm 2022	Tổng hệ số HN,HCN và hệ số tỷ lệ HN,HCN	Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số của tổng đơn vị hành chính cấp xã	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020	Hệ số của tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020
			Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %									
A	B	1	2	3	4	5	6 (2+4)	7	8 (3+5)	9	10 (7+9)	11	12	13	14
1	Biên Hòa	305.275	497	0,16	218	0,07	715	0,5	0,23	0,4	0,9	30	2,00	19,57	1,6
2	Vĩnh Cửu	43.887	298	0,68	417	0,95	715	0,5	1,63	0,6	1,1	12	1,30	8,79	1,2
3	Trảng Bom	103.081	596	0,58	665	0,65	1.261	0,6	1,22	0,5	1,1	17	1,50	16,61	1,6
4	Thống Nhất	42.699	963	2,26	289	0,68	1.252	0,6	2,93	0,7	1,3	10	1,15	11,63	1,4
5	Long Khánh	42.051	102	0,24	190	0,45	292	0,4	0,69	0,4	0,8	15	1,30	10,14	1,4
6	Cẩm Mỹ	34.072	351	1,03	726	2,13	1.077	0,6	3,16	0,7	1,3	13	1,30	12,49	1,4
7	Xuân Lộc	59.061	683	1,16	1.107	1,87	1.790	0,7	3,03	0,7	1,4	15	1,30	18,21	1,6
8	Định Quán	51.820	906	1,75	616	1,19	1.522	0,7	2,94	0,6	1,3	14	1,30	12,14	1,4
9	Tân Phú	42.486	1.035	2,44	1.858	4,37	2.893	0,9	6,81	0,7	1,6	18	1,50	10,88	1,4
10	Long Thành	71.010	578	0,81	163	0,23	741	0,5	1,04	0,5	1,0	14	1,30	9,52	1,2
11	Nhơn Trạch	83.987	1.048	1,25	667	0,79	1.715	0,7	2,04	0,7	1,4	12	1,30	8,98	1,2
TỔNG		879.429	7.057	0,80	6.916	0,79	13.973	6,7	1,59	6,50	13,2	170	15,3		15,4

Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 (kèm theo Quy định).

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X kỳ họp thứ 09 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... thángnăm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Các Bộ: Lao động TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT. (.....bản)

<D:2022/UBT/Tham muu xay dung...>

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách tỉnh phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân kinh phí, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

**Chương II
TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH,
XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN**

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối mỗi năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện, thành phố năm 2020 theo số liệu do Sở Y tế công bố.

3. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2 của Trung ương)

1. Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án: 100% cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	0,8
Từ 2.500 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
10 xã	1

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 11 đến 15 xã	1,3
Từ 16 đến 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

Điều 6. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3 của Trung ương)

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án: 100% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	0,8
Từ 2.500 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
10 xã	1
Từ 11 đến 15 xã	1,3
Từ 16 đến 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

Đ_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ thực hiện tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 10%.
- Các huyện, thành phố tối thiểu 90%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
10 xã	1
Từ 11 đến 15 xã	1,3
Từ 16 đến 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2
2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	
Trên 15%	1,6
Từ % 10 đến dưới 15%	1,4
Dưới 10 %	1,2

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(Y_1 \cdot DD_1) + (Y_2 \cdot DD_2) + \dots + (Y_n \cdot DD_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 2 của Chương trình.

Điều 7. Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6 của Trung ương)

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 30%.
- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 70%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	0,8
Từ 2.500 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
10 xã	1

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 11 đến 15 xã	1,3
Từ 16 đến 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

c) Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{(X_1.Y_1) + (X_2.Y_2) + \dots + (X_n.Y_n)}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Tiểu dự án:

- Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 35%.
- Các huyện, thành phố: Tối thiểu 65%.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5

Tiêu chí	Điểm hệ số
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	0,8
Từ 2.500 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
10 xã	1
Từ 11 đến 15 xã	1,3
Từ 16 đến 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố.

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 2, thuộc Dự án 3.

Điều 8. Dự án Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Dự án 7 của Trung ương)

1. Phân bổ vốn ngân sách tỉnh của Dự án:

a) Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 25%.

b) Các huyện, thành phố: Tối thiểu 75%.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 1%	0,4
Từ 1% đến dưới 1,5%	0,5
Từ 1,5% đến dưới 2%	0,6
Từ 2% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ	0,5
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,6
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,7
Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	0,8
Từ 2.500 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
10 xã	1
Từ 11 đến 15 xã	1,3
Từ 16 đến 20 xã	1,5
Từ 20 xã trở lên	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{(X_1 \cdot Y_1) + (X_2 \cdot Y_2) + \dots + (X_n \cdot Y_n)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Dự án 4.

Trên đây là Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025./.